

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 6 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Minh Sâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lâm Tới;

2. Bà Nguyễn Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 320/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2021, về: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Neàng R, sinh năm: 1984; địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh A;

- Bị đơn: Anh Chau Bi R1, sinh năm: 1972; địa chỉ nơi cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh A.

- Người phiên dịch: Ông Lục Tà Dung – Công tác tại Đài truyền thanh huyện Tịnh Biên.

Chị Neàng R và anh Chau Bi R1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nèang R trình bày:

Chị Nèang R và anh Chau Bi R1 chung sống với nhau năm năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V theo giấy chứng nhận kết hôn số 98/2005 ngày 08/11/2005; Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do anh R1 thường xuyên tụ ăn nhậu, cờ bạc về đánh đập chị R nhiều lần, nay chị R yêu cầu ly hôn với anh R1.

Trong thời gian chung sống, chị Nèang R và anh Chau Bi R1 có 02 con chung tên Nèang Kêt Mia Lia, sinh ngày 16/3/2013 và Chau Sunh Chư, sinh ngày: 29/9/2004; Chị R yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh R1 cấp dưỡng nuôi dạy con chung;

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nèang R không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tuy nhiên tại phiên tòa, chị Nèang R và anh Chau Bi R1 yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án sự tự thỏa thuận chia tài sản như sau:

Chị Nèang R được toàn quyền sở hữu tài sản chung gồm: Nhà cấp 4, tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh A (chưa được cấp quyền sở hữu nhà) giá trị hơn 400.000.000 đồng; Phần đất diện tích 5.135m² tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh A, thuộc thửa số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH03844 do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp ngày 16/4/2019 cho anh Chau Bi R1 và chị Nèang R; Và 01 công đất ruộng tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh A (giá 80.000.000 đồng). Chị Nèang R có trách nhiệm hoàn trả cho anh Chau Bi R1 10 chỉ vàng 24 kara, 170.000.000 đồng.

Anh Chau Bi R1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 5.334m², thửa đất số 14, tờ bản đồ 51, đất trồng cây hàng năm, tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh A, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03843, do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp ngày 16/4/2019 cho anh Chau Bi R1 và chị Nèang R.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Chau Bi R1 trình bày: Thống nhất với chị Nèang R về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, anh và chị R chung sống với nhau năm năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V theo giấy chứng nhận kết hôn số 98/2005 ngày 08/11/2005; Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019, sau khi cất nhà chị R có quan hệ với người đàn ông khác, nên anh mới buồn có nhậu nhẹt, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn; Nếu như chị R đồng ý chia tài sản chung, thì anh R1 đồng ý ly hôn.

Trong thời gian chung sống, chị Nèang R và anh Chau Bi R1 có 02 con chung tên Nèang Kêt Mia Lia, sinh ngày 16/3/2013 và Chau Sunh Chư, sinh

ngày: 29/9/2004; Anh đồng ý để con chung cho chị R nuôi dạy, anh không cấp dưỡng nuôi dạy con chung;

Về tài sản chung: Anh đồng ý cầu Tòa án ghi nhận trong bản án sự tự thỏa thuận tài sản như sau: Chị Nèang R được toàn quyền sở hữu tài sản chung gồm: Nhà cấp 4, tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh A (chưa được cấp quyền sở hữu nhà) giá trị hơn 400.000.000 đồng; Phần đất diện tích 5.135m² tọa lạc tại xã An Cư, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, thuộc thửa số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH03844 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 16/4/2019 cho anh Chau Bi R1 và chị Nèang R; Và 01 công đất ruộng tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh A (giá 80.000.000 đồng). Chị Nèang R có trách nhiệm hoàn trả cho anh Chau Bi R1 10 chỉ vàng 24 kara, 170.000.000 đồng.

Anh Chau Bi R1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 5.334m², thửa đất số 14, tờ bản đồ 51, đất trồng cây hàng năm, tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh A, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03843, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 16/4/2019 cho anh Chau Bi R1 và chị Nèang R.

Nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không thể tiến hành hòa giải được; Do anh Chau Bi R1 vắng mặt.

- Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nèang R và anh Chau Bi R1.

Về con chung: Để cho chị Nèang R nuôi dạy con chung Nèang Kê Mia Lia, sinh ngày 16/3/2013 và Chau Sunh Chư, sinh ngày: 29/9/2004; Không xem xét về cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nèang R và anh Chau Bi R1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên tại phiên tòa, các đương sự đã thống nhất tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án về sự tự phân chia là phù hợp, nên có cơ sở ghi nhận trong bản án về sự tự thỏa thuận này.

Nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Tịnh Biên. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2019.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nèang R và anh Chau Bi R1 chung sống với nhau năm năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V theo giấy chứng nhận kết hôn số 98/2005 ngày 08/11/2005, nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng hiện tại chị R và anh R1 xảy ra mâu thuẫn, do trong thời gian chung sống, anh R1 thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập chị R, nay chị R và anh R1 đã không chung sống với nhau.

Nhận thấy hôn nhân giữa chị Nèang R và anh Chau Bi R1 không hạnh phúc, kéo dài sẽ gây đau khổ cho nhau, anh Chau Bi R1 đồng ý ly hôn với chị Nèang R nếu như chị R đồng ý tự thỏa thuận chia tài sản chung, tại phiên tòa, chị Nèang R đồng ý chia tài sản chung cho anh Chau Bi R1, nên từ đó căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho chị Nèang R ly hôn với anh Chau Bi R1.

[2.2] Chị Nèang R xác định trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung Nèang Kêt Mia Lia, sinh ngày 16/3/2013 và Chau Sunh Chư, sinh ngày: 29/9/2004; Chị R yêu cầu nuôi dạy con chung, cháu Nèang Kêt Mia Lia và Chau Sunh Chư cũng có nguyện vọng được sống chung với chị R, nên không đề hạn

chế sự ảnh hưởng của việc cha mẹ ly hôn, tạo điều kiện thuận lợi cho con phát triển, nhằm ổn định cuộc sống, nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu Nèang Kê Mia Lia và Chau Sunh Chur, để chị R tiếp tục nuôi dạy 02 cháu Nèang Kê Mia Lia và Chau Sunh Chur là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Nèang R không yêu cầu anh Chau Bi R1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Tài sản chung, xét tại phiên tòa, chị Nèang R và anh Chau Bi R1 yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, xét yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị Nèang R và anh Chau Bi R1 như sau:

Anh đồng yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án sự tự thỏa thuận tài sản như sau: Chị Nèang R được toàn quyền sở hữu tài sản chung gồm: Nhà cấp 4, tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh A (chưa được cấp quyền sở hữu nhà); Phần đất diện tích 5.135m² tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh A, thuộc thửa số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH03844 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 16/4/2019 cho anh Chau Bi R1 và chị Nèang R; Và 01 công đất ruộng tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh A (giá 80.000.000 đồng). Chị Nèang R có trách nhiệm hoàn trả cho anh Chau Bi R1 10 chỉ vàng 24 kara, 170.000.000 đồng.

Anh Chau Bi R1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 5.334m², thửa đất số 14, tờ bản đồ 51, đất trồng cây hàng năm, tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh A, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03843, do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp ngày 16/4/2019 cho anh Chau Bi R1 và chị Nèang R.

[2.4] Nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét.

[2.5] Chị Nèang R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, do không có đơn yêu cầu được miễn nộp tiền án phí Tòa án; Chị Nèang R và anh Chau Bi R1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ tR,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm d, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nèang R với anh Chau Bi R1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2005 ngày 08/11/2005 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực thi hành.

Chị Nèang R được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung Nèang Kê Mia Lia, sinh ngày 16/3/2013 và Chau Sunh Chur, sinh ngày: 29/9/2004; Anh Chau Bi R1 không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Chị Nèang R cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Chau Bi R1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản của chị Nèang R và anh Chau Bi R1 như sau:

Chị Nèang R được toàn quyền sở hữu tài sản chung gồm: Nhà cấp 4, tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh A (chưa được cấp quyền sở hữu nhà); Phần đất diện tích 5.135m² tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh A, thuộc thửa số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH03844 do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp ngày 16/4/2019 cho anh Chau Bi R1 và chị Nèang R; Và 01 công đất ruộng tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh A (giá 80.000.000 đồng). Chị Nèang R có trách nhiệm hoàn trả cho anh Chau Bi R1 10 chỉ vàng 24 kara, 170.000.000 đồng.

Anh Chau Bi R1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 5.334m², thửa đất số 14, tờ bản đồ 51, đất trồng cây hàng năm, tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh A, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03843, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 16/4/2019 cho anh Chau Bi R1 và chị Nèang R.

Chị Nèang R và anh Chau Bi R1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đối với các tài sản bất buộc phải đăng ký và nộp các khoản thuế, phí theo quy định của pháp luật.

Chị Nèang R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị R đã nộp theo biên lai thu số 0007488 ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên; Chị R đã nộp đủ án phí; Chị Nèang R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Chau Bi R1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị Nèang R và anh Chau Bi R1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát H. Tịnh Biên (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS H. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Cù Minh Sâm